

KINH TẾ VIỆT NAM 2013 VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH NĂM 2014

Nguyễn Ngọc Sơn*

Năm 2013 đã qua với nhiều điểm sáng tối trong bức tranh kinh tế Việt Nam. Kinh tế vĩ mô cơ bản giữ ổn định. Tăng trưởng kinh tế và sản xuất công nghiệp có dấu hiệu phục hồi, nhất là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Năm 2014 Việt Nam sẽ nhận những tín hiệu tích cực từ bối cảnh kinh tế toàn cầu và nỗ lực cải cách của Chính phủ. Bài viết phân tích những thành tựu, bất cập kinh tế Việt Nam năm 2013, đưa ra xu hướng ảnh hưởng kinh tế thế giới đến Việt Nam và đề xuất các định hướng chính sách cho năm 2014.

Từ khóa: Tăng trưởng, lạm phát, ổn định vĩ mô, tái cơ cấu

1. Đặt vấn đề

Năm 2013 năm bản lề thực hiện Kế hoạch 5 năm 2011- 2013, đã qua với nhiều điểm sáng tối trong bức tranh kinh tế Việt Nam. Kinh tế vĩ mô cơ bản giữ ổn định, tăng trưởng kinh tế và sản xuất công nghiệp có dấu hiệu phục hồi dần, nhất là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Kim ngạch xuất khẩu vẫn tăng trưởng khá ổn định và cân đối thương mại theo hướng tích cực. Lạm phát đã được kiềm chế và tăng trưởng tín dụng đã có dấu hiệu khả quan hơn. Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam vẫn còn chứa đựng khá nhiều những bất ổn và rất dễ bùng nổ bất cứ lúc nào. Trước hết là nguy cơ về lạm phát cao vẫn có khả năng xảy ra, nợ thuế và mất cân đối ngân sách có xu hướng gia tăng, hàng tồn kho tuy giảm nhưng vẫn ở mức cao. Năm 2014 Việt Nam sẽ nhận những tín hiệu tích cực từ bối cảnh kinh tế toàn cầu và nỗ lực cải cách của Chính phủ. Những dấu hiệu tích cực này hy vọng sẽ là động lực cho kinh tế Việt Nam thoát khỏi thời kỳ tăng trưởng chậm, bước vào chu kỳ tăng trưởng mới ổn định và bền vững hơn và là tiền đề để thực hiện được các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2011-2015.

2. Bức tranh kinh tế Việt Nam năm 2013

2.1. Tăng trưởng và cơ cấu kinh tế

Nhờ những chính sách của Chính phủ, đặc biệt là

Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2012, Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ thị trường và giải quyết nợ xấu, kinh tế vĩ mô cơ bản đã bắt đầu dần đi vào ổn định, tăng trưởng kinh tế năm 2013 đạt 5,42%, trong đó quý I tăng 4,76%, quý II tăng 5,00%, quý III tăng 5,54% và quý IV tăng 6,04%. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mục tiêu 5,5% đề ra nhưng cao hơn mức tăng 5,25% của năm 2012. Trong mức tăng 5,42% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,67%, xấp xỉ mức tăng năm trước, đóng góp 0,48%. Đóng góp của các yếu tố đầu ra cho tăng trưởng cho thấy tiêu dùng cuối cùng tăng 5,36% so với năm 2012, đóng góp 3,72 điểm phần trăm vào mức tăng chung; tích lũy tài sản tăng 5,45%, đóng góp 1,62 điểm phần trăm; chênh lệch xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ đóng góp 0,08 điểm phần trăm do xuất siêu.

Tuy vậy, Việt Nam vẫn chưa thoát khỏi chu kỳ tăng trưởng kinh tế chậm kể từ sau khủng hoảng 2008. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam vẫn thấp hơn tốc độ tăng trưởng trung bình của các nước Châu Á- Thái Bình Dương. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam chỉ cao hơn Malaysia và Thái

Bảng 1: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước theo giá so sánh 2010 (%)

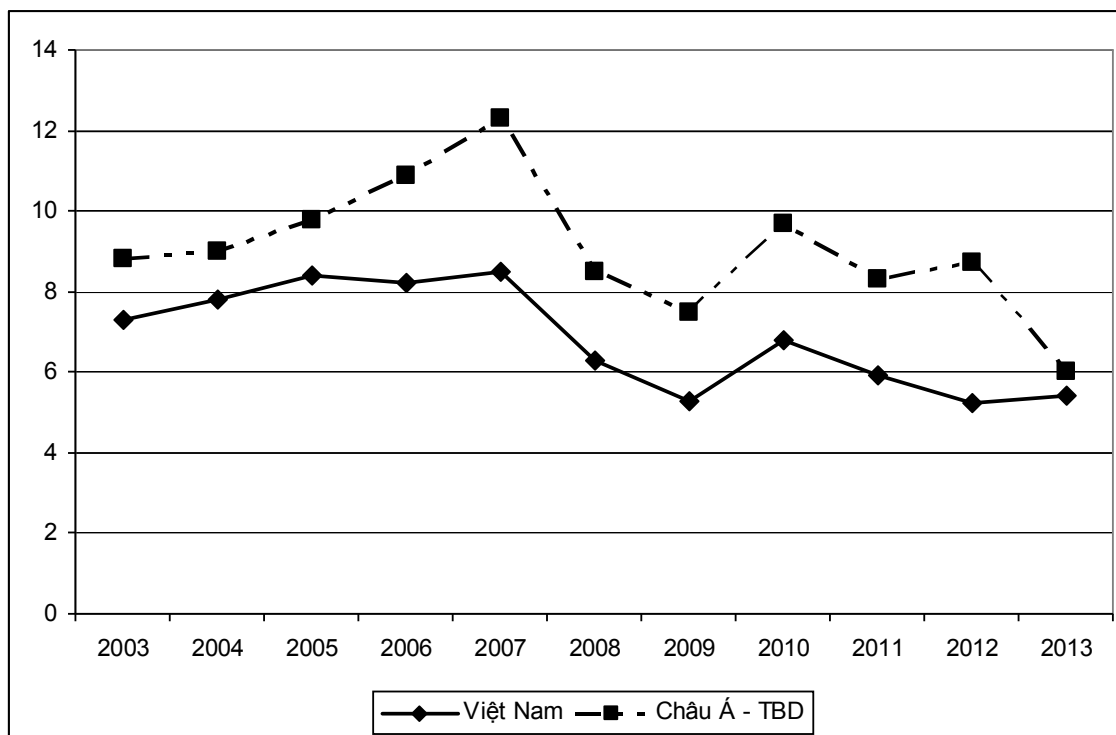
	Năm 2012	Năm 2013
TỔNG SỐ	5,25	5,42
<i>Phân theo khu vực kinh tế</i>		
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	2,68	2,67
Công nghiệp và xây dựng	5,75	5,43
Dịch vụ	5,90	6,56
<i>Phân theo quý trong năm</i>		
Quý I	4,75	4,76
Quý II	5,08	5,00
Quý III	5,39	5,54
Quý IV	5,57	6,04

Nguồn: Tổng cục thống kê (1013, tr.3)

Lan, trong đó tăng trưởng Thái Lan hiện đang ở mức thấp do bất ổn về chính trị. Việt Nam mới bước vào nhóm có thu nhập trung bình, còn khoảng cách khá lớn giữa thu nhập bình quân đầu người của Việt

Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới. Với quy mô dân số lớn, tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức thấp kéo dài sẽ làm khoảng cách phát triển giữa Việt Nam và các nước trong khu vực và trên thế giới

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam so với các nước đang phát triển khu vực Châu Á Thái Bình Dương giai đoạn từ 2007-2012 và dự báo 2013, (%)



Nguồn: World Bank (2013)

ngày một rộng hơn, nguy cơ tụt hậu xa hơn.

Xét về cơ cấu kinh tế năm 2013, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 18,4%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,3% và khu vực dịch vụ chiếm 43,3% (Năm 2012 các tỷ trọng tương ứng là: 19,7%; 38,6% và 41,7%). Khu vực công nghiệp và xây dựng năm 2013 tăng 5,43% thấp hơn mức tăng 5,75% của năm trước, đóng góp 2,09%. Trong khi đó, khu vực dịch vụ tăng 6,56%, cao hơn mức tăng 5,9% của năm 2012, đóng góp 2,85%. So với năm 2012, khu vực sản xuất đã có dấu hiệu hồi phục, sản xuất công nghiệp trong năm 2013 đã có những chuyển biến tích cực. Chỉ số IPP sau khi giảm mạnh vào tháng 2/2013 đã duy trì ở mức tăng nhẹ ổn định đến cuối năm. Cụ thể, chỉ số IPP quý I tăng 4,5%, quý II tăng 5,2%, quý III tăng 6%. Tính chung cả năm, IPP tăng 5,9%. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có mức phục hồi khá hơn mặt bằng chung ở mức 7,1%, cao hơn đáng kể so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu sản xuất đã chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm khoảng 75-78% tổng giá trị tăng thêm ngành công nghiệp (năm 2010: 60,2%, năm 2011: 66%, năm 2012: 70%).

Mức độ tồn kho cũng đã giảm được cải thiện đáng kể trong năm 2013 so với năm 2012. Chỉ số tồn kho tại thời điểm 01/12/2013 toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,2% so với cùng thời điểm năm 2012 (Cùng kỳ năm 2011 là 23%;

năm 2012 là 20,1%).

Khu vực dịch vụ giữ mức tăng trưởng tốt. Tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ các quý trong năm 2013 luôn cao hơn mức tương ứng năm 2012. Quý III/2013, tốc độ tăng trưởng của khu vực dịch vụ đã ở mức cao hơn con số tương ứng năm 2011 (6,8% so với 6,75%).

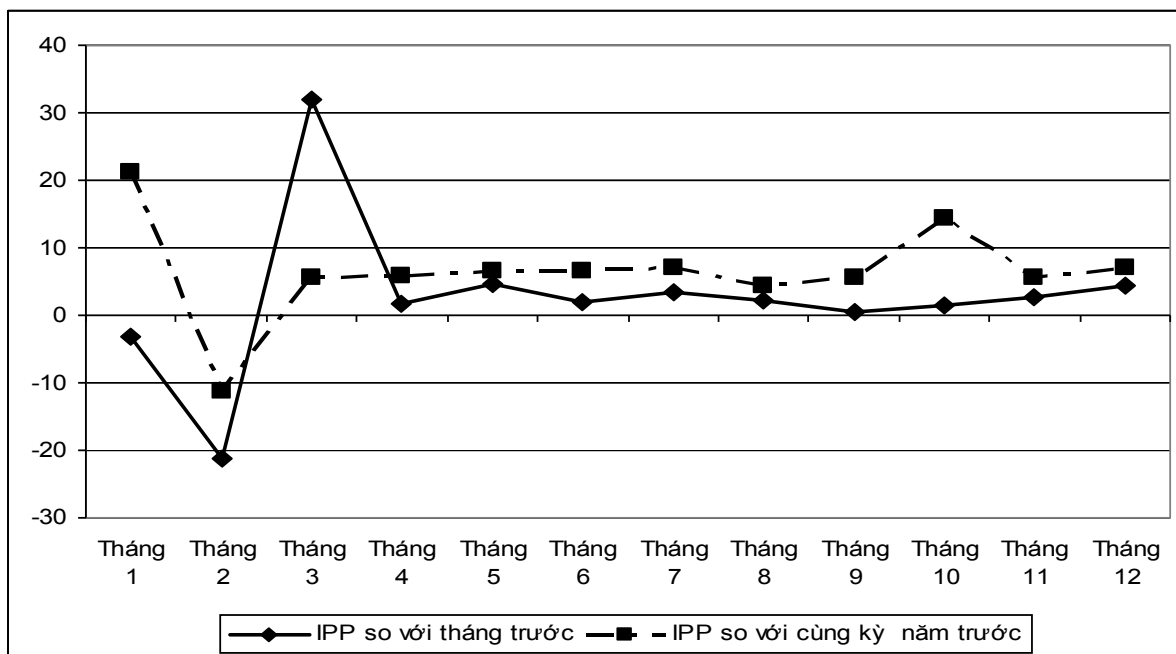
Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2013 theo giá so sánh 2010 ước tính đạt 801,2 nghìn tỷ đồng, tăng 2,95% so với năm 2012, bao gồm: Nông nghiệp đạt 602,3 nghìn tỷ đồng, tăng 2,47%; lâm nghiệp đạt 22,4 nghìn tỷ đồng, tăng 6,04%; thủy sản đạt 176,5 nghìn tỷ đồng, tăng 4,22%.

2.2. Các cân đối vĩ mô

Xuất nhập khẩu và cán cân thanh toán

Kim ngạch xuất khẩu năm 2013 đạt 132,2 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2012. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu khu vực kinh tế trong nước đạt 43,8 tỷ USD, tăng 3,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (gồm cả dầu thô) đạt 88,4 tỷ USD, tăng 22,4%. Nếu không kể dầu thô thì kim ngạch hàng hoá xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài năm nay đạt 81,2 tỷ USD, tăng 26,8% so với năm trước. Nếu loại trừ yếu tố giá, kim ngạch hàng hoá xuất khẩu năm 2013 tăng 18,2%. Tăng trưởng xuất khẩu đạt được ở hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ lực trong năm 2013, cả nước có 22 nhóm

Hình 2: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IPP) toàn quốc qua các tháng của năm 2013 (%)



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các số liệu của Tổng cục Thống kê

hàng có kim ngạch xuất khẩu đạt trên 1 tỷ USD; lần đầu tiên xuất khẩu mặt hàng rau quả đã vào danh sách nhóm xuất khẩu trên 1 tỷ USD, đây là một trong những tín hiệu tốt cho phát triển xuất khẩu của ngành nông nghiệp.

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu năm 2013 đạt 131,3 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm trước. Với việc tiếp tục sử dụng các biện pháp tăng cường kiểm soát để hạn chế nhập khẩu những mặt hàng tiêu dùng chưa cần thiết hoặc trong nước đã sản xuất được, cùng với việc sản xuất và tiêu thụ gặp khó khăn dẫn đến nhiều mặt hàng có khối lượng nhập khẩu giảm so với năm 2012 như: phế liệu sắt thép (giảm 13,7%), phương tiện vận tải và phụ tùng (giảm 24,8%), xăng dầu các loại (giảm 22,1%). Một số mặt hàng có lượng nhập khẩu cao là mặt hàng điện thoại các loại và linh kiện (tăng 63,9%), bông các loại (tăng 35,6%), máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng (34,9%). Tuy nhiên, đây chủ yếu là những mặt hàng nhập khẩu để phục vụ sản xuất trong nước và sản xuất hàng xuất khẩu. Xét theo cơ cấu mặt hàng nhập khẩu, có thể nhận thấy nhóm hàng cần nhập khẩu ước đạt 115 tỷ USD, chiếm tỷ trọng lớn nhất (chiếm 87,8%) và có tốc độ tăng cao nhất (tăng 15,4%) chủ yếu nhập khẩu để sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Nhóm hàng không khuyến khích nhập khẩu có mức tăng không cao, thấp hơn mức tăng trưởng nhập khẩu chung cho thấy việc triển khai các biện pháp kiểm soát nhập khẩu, hạn chế nhập siêu đã đem lại hiệu quả tích cực. Đồng thời việc giảm nhập khẩu nhóm hàng này không ảnh hưởng đến sản xuất, xuất khẩu.

Như vậy, cán cân thương mại năm 2013 là 0,9 tỷ USD. Cán cân thương mại dương trong năm 2013 là do xuất khẩu vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá, trong khi nhập khẩu tăng ở mức độ trung bình. Việc kim ngạch nhập khẩu tăng chậm, đặc biệt là các mặt hàng máy móc thiết bị, nguyên vật liệu đầu vào cho thấy hoạt động sản xuất còn chưa thực sự hồi phục, quy mô sản xuất vẫn còn hạn chế.

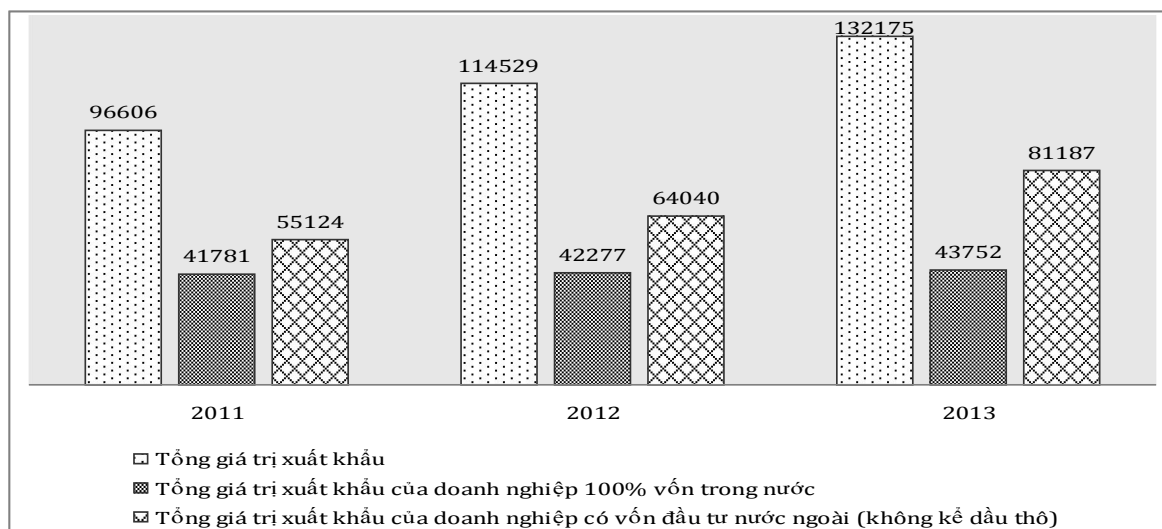
Chính sách tỷ giá năm 2013 không có những đột biến. Do vậy tỷ giá giữ tương đối ổn định trong năm 2013. Dự trữ ngoại hối của Việt Nam đã có mức cải thiện đáng kể từ mức dự trữ trên 8 tỷ USD (tương ứng với 6 tuần nhập khẩu) đã tăng đến 9 tỷ USD vào cuối năm 2011 và đến cuối năm 2012 đã tăng lên mức khoảng trên 20 tỷ USD, tương ứng 12 tuần nhập khẩu.

Cán cân thương mại tiếp tục thặng dư và cán cân vốn được cải thiện ảnh hưởng tích cực làm cho cán cân tổng thể được cải thiện đáng kể, tiếp tục thặng dư trong năm 2013, tương ứng khoảng 9,6 tỷ USD (so với 10,2 tỷ USD tương ứng năm 2012).

Vốn đầu tư toàn xã hội

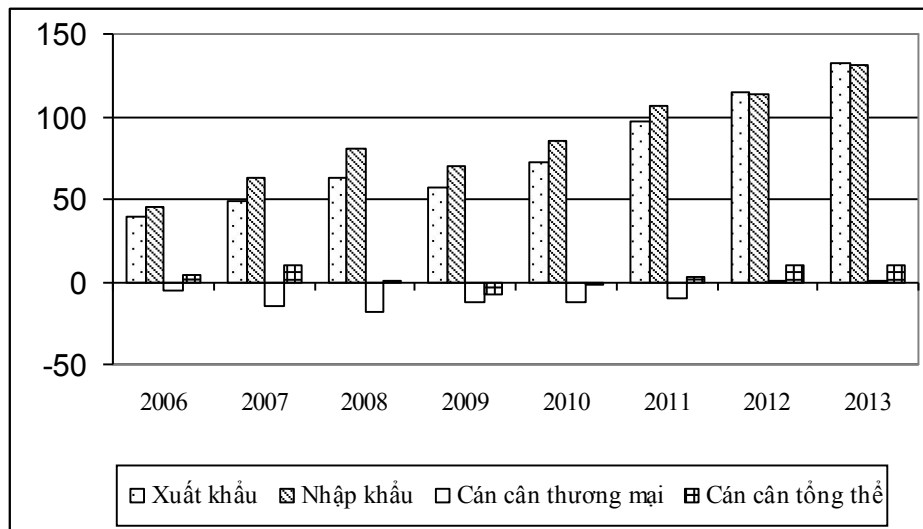
Vốn đầu tư toàn xã hội trong năm 2013 vẫn tăng khá chậm, với tốc độ tăng tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 8% so với năm 2012 và bằng 30,4% GDP. Trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2013, vốn khu vực Nhà nước đạt 440,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 40,4% tổng vốn và tăng 8,4% so với năm trước; khu vực ngoài Nhà nước 410,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 37,6% và tăng 6,6%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 240,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 22% và tăng 9,9%. Tốc độ tăng vốn giai đoạn

Hình 3: Kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2011-2013 (triệu USD)



Nguồn: Bộ Công Thương (2013, tr.10)

Hình 4: Cán cân vãng lai, cán cân vốn và cán cân tổng thể (2009-2013)



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê

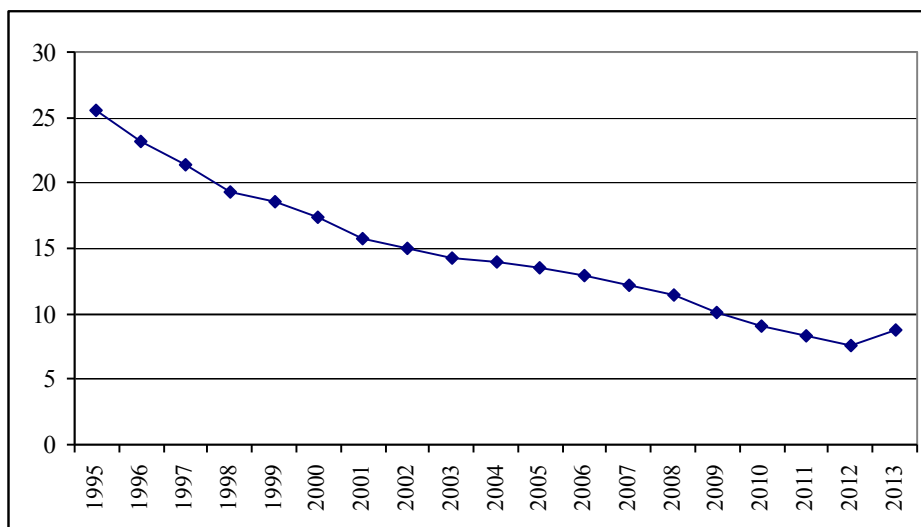
2011- 2013 thấp hơn nhiều so với giai đoạn 2006 – 2010. Tỷ lệ đầu tư toàn xã hội đã giảm xuống khoảng 34-35% so với GDP thấp hơn khoảng 6-7% so với giai đoạn 2006– 2010. Tỷ lệ đầu tư giảm đã làm hạn chế tăng trưởng và tạo việc làm cho người lao động.

Trong nguồn vốn đầu tư, FDI vẫn duy trì ở mức cao, từ đầu năm đến 20/12/2013 cả nước đã thu hút 1175 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 20,8 tỷ USD tỷ USD, tăng 73,3%. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp, chế biến chế tạo, thiết bị vẫn là các lĩnh vực hấp dẫn nhất, trong 12 tháng chiếm 77,5% tổng vốn đăng ký.

Bên cạnh việc tổng vốn đầu tư xã hội giảm, thì

hiệu quả đầu tư thấp cũng không được cải thiện. Hiệu quả đầu tư của Việt Nam giảm được thể hiện thông qua hệ số MP¹ (Margin Product) giảm từ 25,6% năm 1995 xuống chỉ còn 7,6% năm 2012 và khoảng 8,5% năm 2013. Giai đoạn 2001-2005 là giai đoạn hiệu quả đầu tư giảm ít nhất (trung bình gần 5%/năm), giai đoạn 2006– 2013 tốc độ giảm hiệu quả đầu tư có phần mạnh hơn, trung bình giảm 7,45%/năm trong giai đoạn 2006-2010 và 8,24%/năm giai đoạn từ 2011– 2013. Đây là một trong những “u nhọt” lớn nhất đối với tăng trưởng kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng của Việt Nam trong giai đoạn 2011- 2015. Trong khi tỷ lệ đầu tư so với GDP giảm khoảng 7-8% so với giai

Hình 5: Hiệu quả đầu tư Việt Nam giai đoạn 1995-2013 thông qua hệ số MP, (%)



Nguồn: Phó Thị Kim Chi và nhóm nghiên cứu (2013, tr.9)

đoạn 2006-2010, hiệu quả sử dụng vốn lại không được cải thiện, điều này làm giảm tốc độ tăng trưởng, giảm hiệu quả sản xuất doanh nghiệp và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tiềm ẩn nguy cơ bất ổn trong dài hạn.

Thu chi ngân sách nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2013 ước tính đạt 790,8 nghìn tỷ đồng, bằng 96,9% dự toán năm, trong đó thu nội địa 530 nghìn tỷ đồng, bằng 97,2%; thu từ dầu thô 115 nghìn tỷ đồng, bằng 116,2%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu 140,8 nghìn tỷ đồng, bằng 84,6%. Tổng chi ngân sách Nhà nước năm 2013 ước tính đạt 986,2 nghìn tỷ đồng, bằng 100,8% dự toán năm, trong đó chi đầu tư phát triển 201,6 nghìn tỷ đồng, bằng 115,1% (riêng chi đầu tư xây dựng cơ bản 196,3 nghìn tỷ đồng, bằng 115,4%); chi phát triển sự nghiệp kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể (bao gồm cả chi thực hiện cải cách tiền lương) ước tính đạt 679,6 nghìn tỷ đồng, bằng 100,8%; chi trả nợ và viện trợ 105 nghìn tỷ đồng, bằng 100%. Như vậy, do thu ngân sách sụt giảm mạnh nên bội chi ngân sách năm 2013 là khá cao ở mức 5,3% GDP, vượt mức 4,8% dự toán. Nguyên nhân chủ yếu là thu nội địa giảm do khu vực doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn về vốn, sản phẩm tồn kho tiêu thụ chậm dẫn đến thua lỗ. Trong đó, tình

trạng nợ đọng thuế, trốn thuế làm hụt thu và một số khoản chi chưa hợp lý gây lãng phí. Sau nhiều năm vượt thu, đây là năm đầu tiên số thu ngân sách nhà nước cả năm ước tính không đạt dự toán thu cân đối ngân sách, ảnh hưởng lớn tới việc điều hành ngân sách và cân đối, bố trí vốn để thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước.

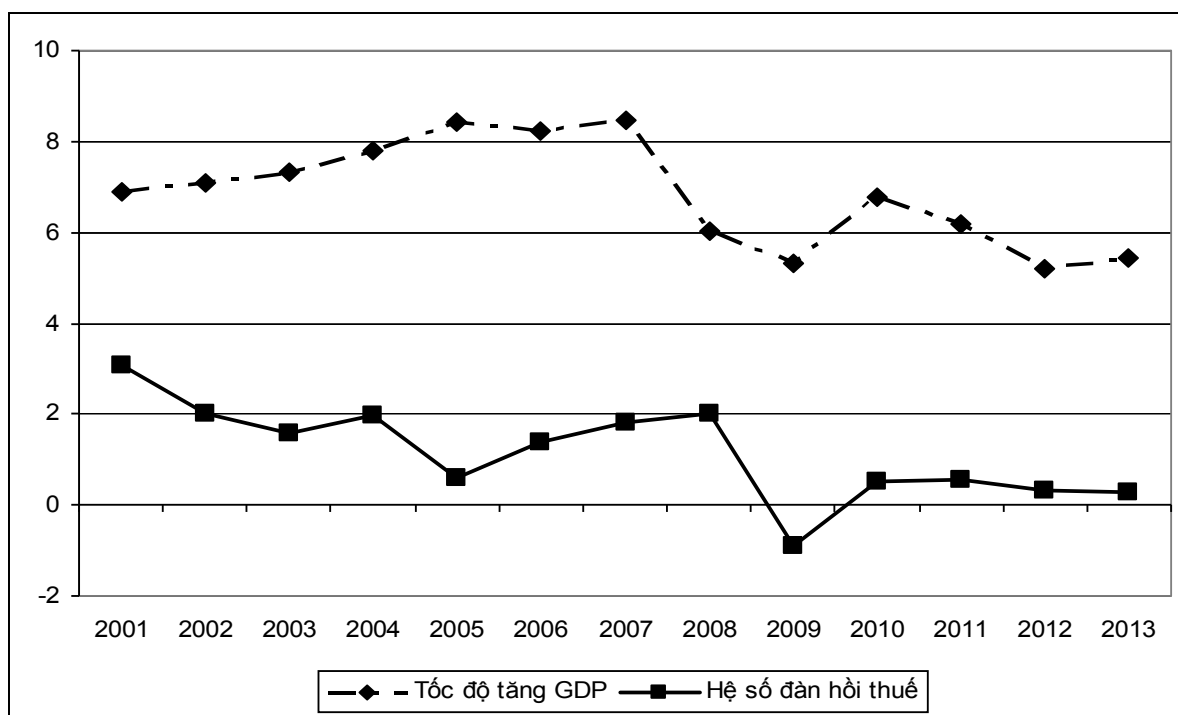
Trong thời gian qua, hệ số đàn hồi thuế² của Việt Nam biến động khá thất thường, có năm hệ số này lớn hơn 2, nhưng lại giảm ngay vào năm tiếp theo và đến năm 2005, hệ số này đã nhỏ hơn 1 và tiếp tục giảm. Những biến động của hệ số đàn hồi không đồng đều xét trong khoảng thời gian gần đây cho thấy hệ thống chính sách thuế còn thiếu độ nhạy cảm ổn định với tăng trưởng kinh tế. Tốc độ tăng thu NSNN đã chậm hơn so với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Trong năm 2013, khoảng cách chênh lệch giữa các khoản thu từ thuế bù đắp cho chi NSNN là rất lớn và Chính phủ phải chịu sức ép về gánh nặng vay nợ lớn hơn trong năm 2013.

2.3. Chỉ số giá tiêu dùng, lãi suất

Chỉ số giá tiêu dùng

So với năm 2012 chỉ số CPI năm 2013 được duy trì ở mức thấp và ổn định qua các tháng. Chỉ số CPI trung bình năm 2013 là 6% giảm mạnh so với mức 9% của năm 2012. Như vậy, tốc độ tăng CPI của

Hình 6: Tốc độ tăng GDP và hệ số đàn hồi thuế



Nguồn: Viện chiến lược Phát triển (2010, tr.6) và Tính toán của tác giả

năm 2013 ở mức khá thấp, biến động của chỉ số CPI cũng thấp nhất kể từ năm 2011 đến nay, khi tháng có chỉ số CPI cao nhất năm 2013 cũng chỉ đạt 2,2% (tháng 9/2013) so với mức cao nhất trong 2 năm 2011 và 2012 trước đó ương ứng là 3,4% vào tháng 4/2011 và 2,6% vào tháng 7/2012).

Lạm phát tuy thấp nhưng có nguyên nhân do tổng cầu yếu. Tổng cầu giảm do nhiều lý do: i) cắt giảm chi tiêu công của Chính phủ trong giai đoạn 2011-2013 làm lượng tiền lưu thông giảm; ii) thu nhập hạn chế làm người dân ‘thắt lưng, buộc bụng’; iii) luồng vốn thu hẹp làm doanh nghiệp cắt giảm quy mô sản xuất. Tuy nhiên, đây cũng là biểu hiện của việc sản xuất bị đình đốn, đời sống người dân vẫn còn khó khăn. Việc chỉ số CPI tăng thấp cũng một phần là do giá lương thực, thực phẩm thời gian qua không tăng nhiều, thậm chí có thời điểm còn giảm nhẹ. Với việc ngành hàng này chiếm đến gần 40% tỷ trọng trong rổ hàng hóa tính CPI, giá lương thực thực phẩm không tăng nhiều là nguyên nhân giảm lạm phát. Tuy lương thực, thực phẩm không tăng giá, nhưng những mặt hàng dịch vụ thiết yếu như y tế, giáo dục lại có mức biến động rất lớn. Do tỷ trọng của nhóm hàng này không cao trong rổ hàng hóa tính CPI, nên mức tăng giá nhóm dịch vụ thiết yếu không tác động nhiều đến tăng giá chung. Điều đó không có nghĩa là việc tăng giá dịch vụ thiết yếu này ít ảnh hưởng đến đời sống dân cư, đặc biệt khi người lao động đang gặp khó khăn trong thu nhập,

lao động khu vực nông thôn khó khăn do giá hàng nông sản giảm sút.

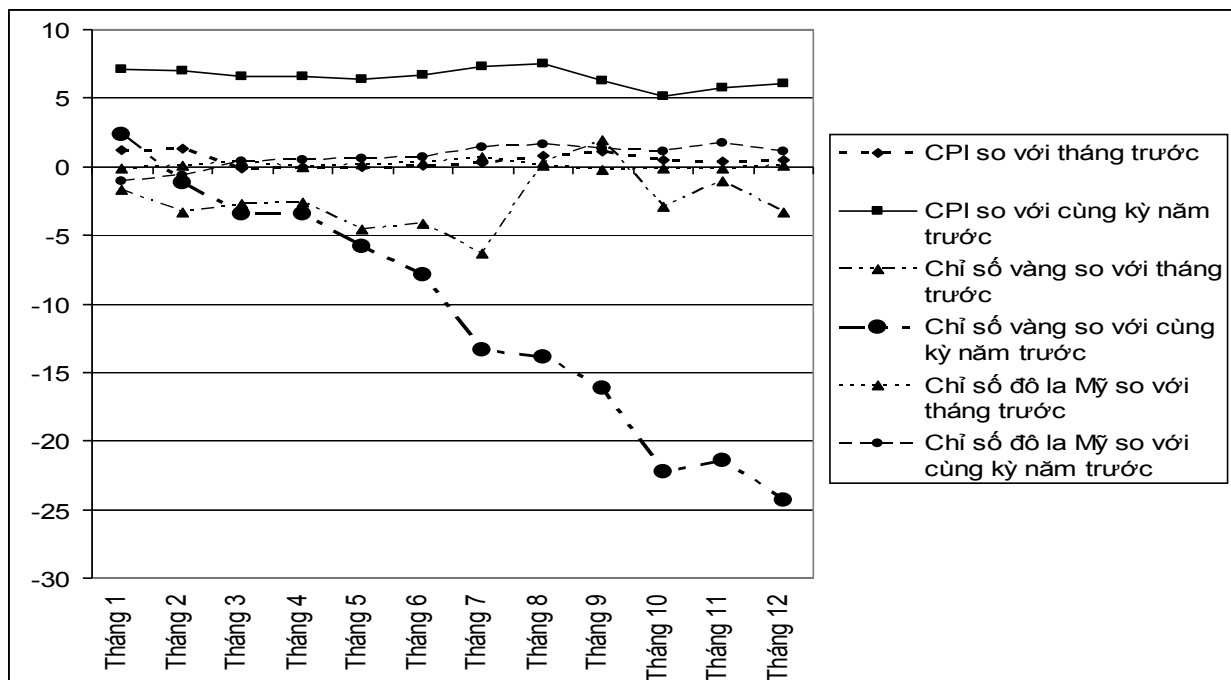
Bên cạnh đó, lương và giá cả nhiều mặt hàng đầu vào quan trọng đối với sản xuất và tiêu dùng như xăng, điện, ga vẫn liên tục điều chỉnh theo hướng tăng. Việc tăng giá các mặt hàng này quá nhiều lần là yếu tố tiềm ẩn gây sức ép tăng giá cả, đồng thời cũng tạo thêm khó khăn cho các doanh nghiệp khi phải chịu thêm gánh nặng chi phí đầu vào và đời sống người dân vốn đang gặp khó khăn.

Nhờ những chính sách của Chính phủ lãi suất đã giảm liên tục và hiện ở mức thấp. Trong năm 2012, Ngân hàng nhà nước đã 6 lần điều chỉnh giảm lãi suất huy động và cho vay. Lãi suất cho vay tối đa về còn 12,75%/năm và lãi suất huy động rút về quanh mốc 8%/năm ở mức rất thấp, chỉ bằng mức của giai đoạn các năm 2006-2007. Đây là dấu hiệu tốt cho nền kinh tế khi lãi suất thấp tác động đến khả năng tiếp cận vốn của các doanh nghiệp và kích cầu đầu tư.

2.4. Tình hình phát triển doanh nghiệp

Trong năm 2013, tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới khoảng 76.955 doanh nghiệp, tăng 10,1% so với năm 2012 với tổng vốn đăng ký là 398,7 nghìn tỷ đồng, giảm 14,7%. Số doanh nghiệp gặp khó khăn phải giải thể hoặc ngừng hoạt động năm nay là 60.737 doanh nghiệp, tăng 11,9% so với năm trước, trong đó số doanh nghiệp đã giải thể là

Hình 7: Tốc độ tăng CPI qua các tháng (% thay đổi so với tháng trước)



Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các số liệu của Tổng cục Thống kê

9818 doanh nghiệp, tăng 4,9%; số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động là 10803 doanh nghiệp, tăng 35,7%; số doanh nghiệp ngừng hoạt động nhưng không đăng ký là 40116 doanh nghiệp, tăng 8,6%. Nguyên nhân làm gia tăng số lượng các doanh nghiệp gặp khó khăn và giải thể là do: i) kinh doanh thua lỗ kéo dài; ii) các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư hầu như chưa có tác động cụ thể; iii) các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp của các bộ, ngành và các địa phương chưa cụ thể và thiết thực, dẫn đến sự phục hồi sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không rõ nét; iv) nhiều doanh nghiệp có nhu cầu vốn nhưng vẫn chưa tiếp cận được vốn tín dụng mặc dù mặt bằng lãi suất đã giảm đáng kể; v) thị trường tiêu thụ bị thu hẹp. Theo kết quả điều tra năm 2013 đối với 2839 doanh nghiệp của Tổng cục thống kê (trong đó có 2854 doanh nghiệp thực tế đang hoạt động, chiếm 98,7% và 39 doanh nghiệp ngừng hoạt động, chiếm 1,3%) cho thấy 54,6% doanh nghiệp ngừng hoạt động do làm ăn thua lỗ kéo dài, 5,1% trả lời do năng lực quản lý, điều hành hạn chế; 38,5% trả lời do nguyên nhân khác như thiếu vốn sản xuất kinh doanh, không tìm kiếm được thị trường hoặc các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp của các bộ, ngành và các địa phương chưa cụ thể và thiết thực, dẫn đến sự phục hồi sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không rõ nét.

3. Một số mục tiêu và định hướng chính sách phát triển kinh tế năm 2014

3.1. Bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước năm 2014

Bối cảnh kinh tế thế giới

Bức tranh kinh tế thế giới năm 2014 trở nên sáng sủa hơn khi những nỗ lực trong việc điều hành chính sách kinh tế của các quốc gia phần nào đạt được kết quả mong muốn. Phần lớn những tín hiệu khả quan tại một số nền kinh tế lớn dẫn dắt tăng trưởng kinh tế thế giới những tháng cuối năm có tác động tích cực tới triển vọng tăng trưởng của kinh tế thế giới trong năm tới.

Thứ nhất, nền kinh tế lớn nhất thế giới là Mỹ đã có sự tăng trưởng ngoạn mục trong các quý II và III và IV trong năm 2013, cùng với việc Chính phủ Mỹ tiếp tục đạt được thỏa thuận nâng trần nợ công kéo dài đến 2014 sau khi tránh được “vách đá tài khóa” vào những tháng đầu năm 2013. Hầu hết các báo cáo đều đưa ra các dự báo dựa trên nhận định chung về tăng trưởng kinh tế Mỹ được dự báo lạc quan hơn trong các năm tiếp theo nhờ sự tăng trưởng mạnh

mẽ của cầu tư nhân...

Thứ hai, kinh tế châu Âu đang có nhiều tín hiệu khởi sắc trong nửa cuối năm 2013 và được dự báo xu hướng tiếp diễn trong năm 2014, trong khi đó kinh tế Nhật Bản cũng ngày càng được cải thiện. Việc cải tổ tài chính tại châu Âu và các nền kinh tế đang nổi (BRICS) tiếp tục được thực hiện. Những bất ổn chính trị tại Trung Đông đã được giải quyết.

Thứ ba, thương mại thế giới vẫn tiếp tục được mở rộng bởi những hiệp định tự do hóa thương mại giữa các nước và khu vực đang dần được thực thi trong đó nổi bật với Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và sự thành lập Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC). Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được dự báo tiếp tục phục hồi nhẹ trong năm 2014. Áp lực lạm phát và giá cả hàng hóa thế giới tiếp tục trong khả năng kiểm soát nửa cuối năm 2013 cũng là yếu tố tích cực thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng tăng lên tại nhiều nước trên thế giới trong năm tới. Thương mại thế giới được dự báo tiếp tục phục hồi mạnh trong năm 2014 với mức tăng trưởng 4,5% so với mức 2,5% của năm 2013. Bên cạnh đó, IMF cũng đưa ra mức dự báo khả quan đối với tăng trưởng thương mại toàn cầu là 4,9% trong năm 2014, so với mức 2,9% trong năm 2013. Kinh tế Nhật Bản được dự báo khả quan trong năm tiếp theo do các chính sách kích thích kinh tế, và hoạt động sản xuất tại các nền kinh tế đang nổi sẽ tăng trưởng vững chắc do sự hồi phục cầu từ các nền kinh tế phát triển và các yếu tố vĩ mô tại khu vực này.

Thứ tư, dòng vốn FDI toàn cầu được dự báo tiếp tục phục hồi. UNCTAD dự báo FDI thế giới năm 2013 sẽ tăng lên 1,4 nghìn tỷ USD từ mức 1.350 tỷ USD của năm 2012 và tăng lên 1.600 tỷ USD vào năm 2014. Ngoài ra, đang có sự dịch chuyển FDI giữa các châu lục và ngay trong khu vực châu Á

Những dấu hiệu tích cực kinh tế thế giới trong thời gian tới nhiều khả năng sẽ tác động tích cực đến kinh tế Việt Nam 2 năm còn lại trong kế hoạch 2011– 2015. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cũng như tăng trưởng thương mại thế giới đều đạt mức tăng đáng kể so với mức ước tính năm 2013, sẽ thúc đẩy xuất khẩu các hàng hóa chủ lực của Việt Nam như dệt may, da giày, hàng nông sản, điện tử. Mặt khác, dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam nhiều khả năng tăng mạnh trở lại do sự dịch chuyển của các nhà đầu tư Nhật Bản và Hàn Quốc sang Việt Nam và sự phục hồi nhẹ của dòng vốn thế giới và việc chuyển hướng từ các nước thu nhập thấp sang các nước thu nhập trung bình, đặc biệt ở khu vực

Viễn Đông và Nam và Trung Á.

Bối cảnh trong nước

Ở trong nước, tình hình chính trị- xã hội tiếp tục ổn định, tiềm lực kinh tế, kinh nghiệm lãnh đạo, quản lý điều hành được nâng lên. Kinh tế vĩ mô ổn định hơn, các cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường đang đi vào cuộc sống. Những nỗ lực cải cách trong nước trong thời gian qua sẽ cộng hưởng với ảnh hưởng tích cực từ nền kinh tế thế giới trên cả lĩnh vực kinh tế, thương mại và đầu tư sẽ tạo môi trường tốt hơn cho các doanh nghiệp, niềm tin kinh doanh được củng cố, dòng vốn nhiều khả năng được khai thông hơn sẽ tháo gỡ dần khó khăn cho doanh nghiệp, đẩy nhanh hơn tốc độ hồi phục sản xuất. Hội nhập quốc tế sâu rộng với các FTA mới và Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) sẽ đem đến hy vọng cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, tạo cơ hội mở rộng đầu tư và thương mại.

Thời gian tới, chính sách tài chính tiền tệ linh hoạt cùng với chính sách tài chính theo hướng nới lỏng hơn sẽ thúc đẩy tăng trưởng, cứu trợ doanh nghiệp và đẩy mạnh tiến trình tái cấu trúc nền kinh tế nhiều khả năng sẽ tiếp tục được ưu tiên. Mặt khác trong năm 2014, thuế thu nhập doanh nghiệp giảm từ 25% xuống còn 22% chính thức có hiệu lực sẽ có

tác động tích cực và trực tiếp tới hoạt động của các doanh nghiệp. Chính sách tài chính tiền tệ 2014-2015 tập trung vào việc duy trì lãi suất thấp (khoảng từ 10–13%) tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vay vốn mở rộng sản xuất kinh doanh. Tái cấu trúc nền kinh tế sẽ được đẩy mạnh hơn trong thời gian tới.

3.2. Một số mục tiêu cơ bản phát triển kinh tế - xã hội năm 2014

Trong bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước nêu trên, ngày 11/11/2013 Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2014, với mục tiêu tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; tăng trưởng hợp lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế trên cơ sở đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế. Bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, cải thiện đời sống nhân dân.

3.3. Một số khuyến nghị chính sách cho năm 2014

Thứ nhất, nâng cao chất lượng thể chế và tăng cường cải thiện môi trường đầu tư nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp

Trong năm 2014 và những năm tiếp theo Chính phủ cần tăng cường nâng cao chất lượng thể chế nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các

Bảng 2: Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội năm 2014

STT	Chỉ tiêu	Mục tiêu
1	Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	5,8 %
2	GDP bình quân đầu người	2.100 USD
3	Kim ngạch xuất khẩu	10 %
4	Tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI)	7 %
5	Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	30 %
6	Tỷ lệ bội chi ngân sách	5,3%
7	Tỷ lệ hộ nghèo	1,7-2%, trong đó các huyện nghèo 4%
8	Tạo việc làm	1,6 triệu lao động
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	52%

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013, tr. 30,31)

các doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng thể chế theo hướng: i) Kiểm soát chặt chẽ và xóa bỏ độc quyền doanh nghiệp nhà nước cũng như những cơ chế chính sách dẫn đến bất bình đẳng trong cạnh tranh; ii) Tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện pháp luật và cơ chế chính sách nhằm tạo thuận lợi nhất cho mọi người dân và doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, xây dựng, sửa đổi các luật để thực hiện Hiến pháp sửa đổi; iii) Tăng cường cải cách và nâng cao chất lượng bộ máy hành chính công, xây dựng bộ máy tinh gọn, hiệu lực hiệu quả với đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực và tính chuyên nghiệp cao, hoàn thiện tiêu chí đánh giá và cơ chế kiểm soát thực thi công vụ, trong đó người đứng đầu cơ quan hành chính phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao và phải được trao quyền quyết định tương ứng về tổ chức cán bộ; iv) Đẩy mạnh phòng chống tham nhũng trong các bộ máy công quyền.

Chính phủ cần có giải pháp cụ thể, giúp doanh nghiệp chuẩn bị và nâng cao tính cạnh tranh trong môi trường kinh doanh ngày càng cởi mở và tiệm cận với chuẩn mực quốc tế. Bên cạnh đó, đẩy mạnh xúc tiến và tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài trong năm 2014 là một cơ hội rất lớn đối với Việt Nam để thu hút các tập đoàn đa quốc gia (MNC) và hứa hẹn sẽ là năm tăng trưởng mạnh về thu hút và giải ngân nguồn vốn đầu tư này, khi các điều kiện cần về cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, thị trường trong nước và xuất khẩu đã xuất hiện cộng thêm điều kiện đủ về nhu cầu dịch chuyển đầu tư trong khu vực Châu Á đang hình thành. Vì vậy, trong năm 2014, Chính phủ cần đặc biệt khuyến khích và thành lập các tổ công tác nhằm hỗ trợ trực tiếp cho các tập đoàn đa quốc gia muốn đầu tư vào Việt Nam, song song với việc hoàn chỉnh hệ thống cơ sở hạ tầng, đơn giản thủ tục hành chính, đất đai. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, bao gồm khó khăn từ thủ tục đầu tư, đến triển khai dự án, giải phóng mặt bằng, tiêu thụ và xuất khẩu hàng hóa. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận dòng vốn tín dụng để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh. Nhanh chóng triển khai hiệu quả quỹ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các văn bản về thuế phải thống nhất và phù hợp, không trái với luật và các văn bản khác có liên quan để không ảnh hưởng đến doanh nghiệp.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế, đặc biệt là tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước

(DNNN)

Đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng. Nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cần xây dựng và triển khai cơ chế điều hành và phối hợp chung của toàn bộ hệ thống chính trị nhằm đẩy nhanh tiến độ và hiệu quả của quá trình tái cơ cấu. Tái cơ cấu nền kinh tế cần tiến hành trên phạm vi rộng bao gồm: tái cơ cấu ngành kinh tế (ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ), tái cơ cấu vùng kinh tế, tái cơ cấu thành phần kinh tế, tái cơ cấu thể chế, cơ chế vận hành và quản lý kinh tế vĩ mô. Đối với tái cơ cấu DNNN cần đẩy mạnh cổ phần hóa và chuyển đổi hình thức pháp lý của các tập đoàn kinh tế; thoái vốn đầu tư ngoài ngành và bán phần vốn mà Nhà nước không cần nắm giữ theo nguyên tắc thị trường, bao gồm cả doanh nghiệp đang kinh doanh có hiệu quả. Doanh nghiệp nhà nước chỉ tập trung vào lĩnh vực then chốt, thiết yếu, địa bàn quan trọng và quốc phòng an ninh. Tách bạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh với nhiệm vụ chính trị, công ích. Hoàn thiện cơ chế thực hiện quyền chủ sở hữu nhà nước và đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp.

Đối với lĩnh vực ngân hàng tài chính trong giai đoạn 2014-2015, tập trung lành mạnh hoá tình trạng tài chính của các tổ chức tín dụng, trước hết tập trung xử lý nợ xấu, nâng cao tính ổn định, bền vững của khả năng chi trả, tập trung xử lý tình trạng sở hữu chéo và tăng tính minh bạch trong hoạt động ngân hàng. Cơ cấu lại căn bản, triệt để và toàn diện hệ thống các tổ chức tín dụng để phát triển được hệ thống các tổ chức tín dụng đa năng theo hướng hiện đại, hoạt động an toàn, hiệu quả. Nâng cao vai trò, vị trí chi phối, dẫn dắt thị trường của các tổ chức tín dụng Việt Nam, bảo đảm các ngân hàng thương mại nhà nước và các ngân hàng thương mại có cổ phần chi phối của Nhà nước thực sự là lực lượng chủ lực, chủ đạo của hệ thống các tổ chức tín dụng. Rà soát, đánh giá, phân loại để có phương án xử lý thích hợp đối với tổ chức tài chính; giám sát chặt chẽ quá trình xây dựng phương án và triển khai thực hiện phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt tại các tổ chức tín dụng. Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức tín dụng nước ngoài hoạt động và cạnh tranh bình đẳng tại Việt Nam.

Đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành sản xuất và dịch vụ, điều chỉnh chiến lược thị trường, tăng nhanh giá trị nội địa, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp và của nền kinh tế.

Tiếp tục tái cơ cấu, xây dựng và phát triển cơ cấu vùng kinh tế hợp lý theo hướng phát huy tiềm năng và lợi thế của từng vùng, tăng cường phối hợp, bổ sung và kết nối giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng để cùng phát triển, khắc phục đầu tư trùng lặp, thiếu liên kết giữa các địa phương trong vùng. Tiếp tục ưu tiên phát triển vùng kinh tế trọng điểm, tạo động lực lôi kéo và lan tỏa phát triển đến các địa phương trong vùng, đến các vùng khác và cho cả nền kinh tế.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả của chính sách điều hành giá cả, thực hiện linh hoạt chính sách tài khóa và tiền tệ

Trong chính sách điều hành giá cả cần cân nhắc ảnh hưởng khác nhau đối với từng nhóm ngành hàng cụ thể. Tránh những điều hành giá cả tập trung vào vài ngành trong cùng một thời điểm gây tác động xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành này, đồng thời làm giá cả của ngành hàng này tăng đột ngột, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của hàng hóa sản xuất trong nước, tác động tiêu cực đến đời sống người dân cũng như nguy cơ tạo hiệu ứng tâm lý tăng giá theo dây chuyền, làm ảnh hưởng đến mục tiêu kiềm chế lạm phát của Chính phủ.

Thời gian tới, thực hiện chính sách tài chính tiền tệ linh hoạt, chính sách tài chính theo hướng nới lỏng hơn nhằm thúc đẩy tăng trưởng, cứu trợ doanh nghiệp và đẩy mạnh tiến trình tái cấu trúc nền kinh tế nhiều khả năng sẽ tiếp tục được ưu tiên. Chính sách chủ đạo của Chương trình trung hạn này là thực hiện chính sách “lạm phát mục tiêu”, với mức tăng CPI khoảng 7% mỗi năm giai đoạn 3 năm 2014-2015 và dưới 5% trong các năm tiếp theo. Cần có sự phối hợp giữa các chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa, chính sách thị trường hóa giá cả một số loại dịch vụ công mà Nhà nước đang còn quy định giá và chính sách ngoại thương một cách linh hoạt và hiệu quả; Chương trình phục hồi kinh tế trung hạn sẽ chấm dứt tình trạng ban hành các giải pháp theo kiểu “ăn đong” như vừa qua. Phải chuyển chính sách từ kiềm chế lạm phát bị động sang lạm phát chủ động. Mức lạm phát mục tiêu sẽ tạo ra dư địa cho chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ cũng như lộ trình điều chỉnh giá cả dịch vụ, hàng hóa công cộng, mà không gây ra lạm phát do chi phí đẩy.

Mặt khác trong năm 2014, thuế thu nhập doanh nghiệp giảm từ 25% xuống còn 22% chính thức có hiệu lực sẽ có tác động tích cực và trực tiếp tới hoạt động của các doanh nghiệp; Chính sách tài chính tiền tệ 2014-2015 tập trung vào việc duy trì lãi suất

thấp (khoảng từ 10–13%) tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vay vốn mở rộng sản xuất kinh doanh.

Thứ tư, đẩy mạnh giải quyết nợ xấu và duy trì lãi suất ổn định nhằm hạn chế lạm phát

Tích cực và chú trọng giải quyết vấn đề nợ xấu để tạo điều kiện hạ thấp lãi suất một cách ổn định, đồng thời không làm gia tăng lạm phát. Tăng cường sử dụng cơ chế xử lý nợ xấu qua Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC). Thông qua việc chuyển nợ từ các TCTD sang VAMC sẽ hỗ trợ sức khỏe cho người đi vay là doanh nghiệp và người dân, tạo thanh khoản cho các NHTM để tháo gỡ được nợ đang tồn đọng, tạo thanh khoản cho thị trường. Đồng thời chủ động xử lý nợ xấu còn tồn đọng như: triển khai các giải pháp thu hồi nợ, xử lý tài sản bảo đảm, cơ cấu lại nợ để hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận được vốn vay phục vụ sản xuất; kiểm soát chặt chẽ và tiết giảm chi phí hoạt động để tích cực trích lập dự phòng tạo nguồn xử lý nợ xấu. Tăng tín dụng phải đồng thời với thực hiện phân bổ vốn hợp lý theo hướng ưu tiên cho lĩnh vực kinh doanh hiệu quả, góp phần giảm hàng tồn kho và giải quyết nợ xấu. Tránh hiện tượng cho các doanh nghiệp vay vốn để đầu cơ vào các lĩnh vực kém hiệu quả và nguy cơ đối mặt với nhiều rủi ro.

Thứ năm, phát triển thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường truyền thống, tìm kiếm thị trường mới

Đẩy mạnh phát triển và thâm nhập thị trường trong nước với hướng người Việt Nam dùng hàng Việt Nam và tiếp tục khai thác tìm kiếm mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa mang lại hiệu quả cao cho nền kinh tế. Đẩy mạnh hợp tác về thị trường đối với các nước Lào và Campuchia. Bên cạnh đó cần xác định đầy đủ thách thức và lợi thế khi Việt Nam gia nhập TPP để từ đó tập trung đầu tư phát triển mạnh những mặt hàng có lợi thế cạnh tranh với thuế suất giảm sâu như: Sản phẩm dệt may, da giày, đồ gỗ, nông sản, đặc biệt là sang các quốc gia có tiềm năng tiêu thụ lớn như Mỹ, Nhật Bản. Bên cạnh đó, trước thách thức của việc nước ta nhập khẩu tỷ lệ lớn nguyên liệu và máy móc từ các nước, trong đó có Trung Quốc và các đối tác không phải là thành viên TPP để sản xuất các mặt hàng xuất khẩu thì việc phát triển nhanh những ngành công nghiệp phụ trợ và củng cố hạ tầng để giảm thiểu thách thức đối với Việt Nam là việc làm cấp bách.

4. Kết luận

Kinh tế Việt Nam năm 2013 đã có tín hiệu phục

hồi nhe, tuy nhiên còn chưa vững chắc, kinh tế vĩ mô ổn định về cơ bản nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ như lạm phát, nợ xấu, mất cân đối thu chi ngân sách. Triển vọng kinh tế 2014 là khá sáng sủa khi kinh tế Việt Nam nhiều khả năng được hưởng lợi từ sự hồi phục được dự báo của kinh tế thế giới cũng như những nỗ lực cải cách của Chính phủ. Tăng trưởng tiềm năng được nhiều tổ chức quốc tế dự báo sẽ cao hơn so với giai đoạn 2011-2013 trong 2 năm 2014-2015 sắp tới, ổn định vĩ mô đang được duy trì

sẽ là cơ sở để thực thi những giải pháp trợ giúp doanh nghiệp, vực dậy tăng trưởng. Đây sẽ là cơ hội để kinh tế Việt Nam hồi phục rõ nét và tạo tiềm lực khi bước vào kế hoạch KT-XH 5 năm 2016-2020 tiếp theo. Để đưa nền kinh tế thoát khỏi chu kỳ tăng trưởng chậm Chính phủ cần đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng thể chế và tận dụng tốt các cơ hội của hội nhập kinh tế quốc tế. □

Chú thích:

1. Chỉ số tính toán hiệu quả đầu tư là tương quan giữa vốn sản xuất và sản lượng đầu ra, được xác định thông qua hàm sản xuất. Từ hàm sản xuất Cobb-Douglas $Y_t = A_t K_t^\alpha L_t^\beta$ có thể tính sản phẩm biên (MP) của một yếu tố sản xuất. Chỉ số MP được đồng nhất với lợi tức và được xác định bằng cách lấy vi phân hàm sản xuất theo lợi tức của vốn đầu tư.
2. Hệ số đàn hồi thuế tính theo công thức $\varepsilon = \sigma^l / \sigma^g$, trong đó σ^l là tốc độ tăng của thuế, σ^g tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Công thương (2013), *Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 2013, giai đoạn 2011-2013 và Kế hoạch năm 2014, 2015 của ngành công thương*, Hà Nội.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2014*, Hà Nội.
- Phó Thị Kim Chi (2013), 'Kinh tế Việt Nam 2013, Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu 2014-2015 và kiến nghị trong điều hành một số chính sách vĩ mô quan trọng', *Kỷ yếu hội thảo Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2014: Cộng hưởng hiệu ứng chính sách*, Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế - xã hội Quốc gia, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hà Nội, tr.1-41.
- Tổng cục Thống kê (2013), *Báo cáo số liệu thống kê kinh tế - xã hội năm 2013*, Hà Nội.
- Viện Chiến lược Phát triển (2010), *Phân tích chính sách tài khóa của Việt Nam*, Hà Nội.
- World Bank (2013), *World Development indicator*.

Vietnam's economy in 2013 and policy recommendations for 2014

Abstract

The perspective of Vietnam economy has both positive and negative marks in 2013. Basically, the macro-economics remains stable. Economic growth and industrial production have signs of restoration, especially processing and manufacturing industries. In 2014, the outlook of Vietnam economy has positive signs from the perspective of world economy and the reform effort of government. This paper analyses the achievements and problems in 2013 with the aim of giving the propensity of the world economy affecting Vietnam economy and of proposing the policy solutions for 2014.

Thông tin tác giả:

***Nguyễn Ngọc Sơn**, Phó giáo sư, Tiến sĩ

- Nơi công tác: Khoa Kế hoạch và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Tăng trưởng và phát triển kinh tế, công nghiệp hỗ trợ, cụm ngành công nghiệp.

- Một số tạp chí đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, *tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, *tạp chí Kinh tế và Dự báo*, *tạp chí Tài chính*, *Tạp chí Kinh tế xây dựng (LB Nga)*.

Email: sonnn@neu.edu.vn